TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2024
"V/v Xin ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Chi
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Kiên Ngọc Trương
2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Giữ, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 25/2024/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 01 năm 2024, về việc "Xin ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Tú P, sinh ngày 15/9/1988, địa chỉ: khóm A, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1990, địa chỉ: Khóm A, phường E, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

- Con chưa thành niên: Cháu Nguyễn Tú V, sinh ngày 23/3/2015, địa chỉ: Khóm A, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 01 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Tú P*, trình bày*:

Tôi và anh Nguyễn Công T kết hôn với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống chúng tôi có 01 con chung là Nguyễn Tú V, sinh ngày 23/3/2015. Nay tôi xin ly hôn với lý do chúng tôi bất đồng ý kiến, chồng tôi không lo làm ăn mà ăn chơi và

ảnh hưởng tới xã hội, có hành vi bạo lực gia đình với tôi nên chúng tôi đã ly thân nhau khoảng 05 năm nay. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Công T. Về con chung 01 người là Nguyễn Tú V, sinh ngày 23/3/2015, tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông* Nguyễn Công T *vắng mặt nên không có lời trình bày.*

- *Con chưa thành niên cháu* Nguyễn Tú V *vắng mặt nhưng có lời khai thể hiện*:

Con là con của Lê Thị Tú P và cha là Nguyễn Công T. Sau khi cha mẹ ly hôn con có nguyện vọng được sống chung với mẹ Lê Thị Tú P.

Do bị đơn vắng mặt nên các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không có đương sự nào cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh: Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về: thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa hôm nay đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý đến thời điểm này, nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 72, 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; 56; 58; 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án". Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Tú P. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị Tú P ly hôn ông Nguyễn Công T. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Tú V, sinh ngày 23/3/2015 cho bà Lê Thị Tú P tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị Tú P không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Tú P khai không có, không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Lê Thị Tú P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về việc "Xin ly hôn và nuôi con", căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Công T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử có căn cứ để tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Tú P và ông Nguyễn Công T kết hôn với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Do trong cuộc sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn tình cảm được nên bà P yêu cầu ly hôn với ông T.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà P, do giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau nên bà P yêu cầu ly hôn với ông T. Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống vợ chồng của bà P, ông T không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của bà P là có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù ông Nguyễn Công T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do đã thể hiện ý chí của ông T không muốn hàn gắn để tiếp tục chung sống và xây dựng gia đình hạnh phúc với bà P và cũng thể hiện ông T đã từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Tú P.

[4] Về con chung: 01 người là Nguyễn Tú V, sinh ngày 23/3/2015, hiện nay đang sống chung với bà P nên bà P yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Cháu Nguyễn Tú V có nguyện vọng được sống chung với mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay cháu V đang trong độ tuổi nhi đồng cần phải được sự chăm sóc của mẹ và phù hợp với nguyện vọng của cháu V là muốn được sống chung với mẹ. Do đó, yêu cầu tiếp tục nuôi con của bà P là có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị Tú P không yêu cầu ông Nguyễn Công T phải cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của bà P nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà Lê Thị Tú P khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[7] Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà P phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51; 53; 56; 58; 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Tú P.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Tú P được ly hôn với ông Nguyễn Công T.

- Về con chung: 01 người là Nguyễn Tú V, sinh ngày 23/3/2015, giao cho bà Lê Thị Tú P tiếp tục nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện bvọng của cháu V là muốn được sống chung với mẹ. Ông Nguyễn Công T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Tú P khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

*** Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:** Buộc bà Lê Thị Tú P phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được cấn trừ vào số tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 00001230, ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, nên bà P không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm công khai báo đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADS TPTV;
- UBND nơi đương sự cư trú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Bích Chi